TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/HS-ST
Ngày 18 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Trương Văn Hăng.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2021/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 402/2021/HSST-QĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/TB-TA, ngày 10 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc Đ (tên khác: M), sinh năm 1968, tại Châu Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp M, xã Đ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; con ông Lê Văn Y, sinh năm 1936 (chết) và bà Bùi Thị N, sinh năm 1941 (chết); anh, chị, em có 10 người, bị cáo là người thứ 06; vợ Đỗ Thị A, sinh năm 1964; có 01 con sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021.

Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1970, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp V, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1927 (chết) và bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1931; anh, chị, em có 08 người, bị cáo là người thứ 07; vợ Trương Thị Đ3, sinh năm 1970; có 04 con, con lớn sinh năm 1980, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt.

3. Sơn Thị K V (tên khác: Bun Sok V), sinh năm 1985, tại huyện Kê Sách, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký HKTT: Ấp A, thị trấn K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp Kdol Chrum, xã Kampong Krasang, huyện Borei Cholsar, tỉnh Takeo, vương quốc Campuchia; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; con ông Sơn B, sinh năm 1960 và bà Dương Thị K D, sinh năm 1968 (chết); bị cáo là con một; chồng tên H, sinh năm 1978; có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2021 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Đ*: Luật sư Hồ Hoàng Phượng – Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng Phượng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S*: Luật sư Lê Hùng Tuấn – Văn phòng Luật sư Vinh Phú, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án*:

1. Bà Võ Nhật Thiên K, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 22, ấp M, xã Đ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 09, tổ 01, ấp V, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 26/5/2021, Sơn Thị Kim V được người tên Phươl (sống ở Campuchia, không rõ nhân thân) điện thoại kêu đến cột mốc biên giới số 263 thuộc xã Đ, huyện An Phú để đưa 01 người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia, với tiền công là 3.000.000 đồng, V đồng ý và được Phươl đưa

trước 3.000.000 đồng. Xong, V gọi điện thoại cho Lê Ngọc Đ và kêu Đ gọi thêm Nguyễn Ngọc S đưa 01 người từ bến xe thành phố Châu Đốc đến khu vực biên giới thuộc xã Đ, huyện An Phú để giao cho V đưa sang Campuchia với tiền công mỗi người 1.000.000 đồng. Đ điện thoại thuê Mới (không rõ nhân thân) điều khiển xe môtô chở Võ Nhật Thiên K từ khu vực bến xe Châu Đốc đến nhà của S, rồi Đ điều khiển xe môtô biển số 56P1-7472 chở hành lý của K và chạy trước dẫn đường, còn S điều khiển xe môtô biển số 67L1-2579 chở K đi sau. Khi đến khu vực biên giới thuộc tổ 01, ấp V, xã Đ, huyện An Phú thì bị Tổ công tác của Đồn Biên phòng Cửa khẩu Vĩnh Hội Đông phát hiện bắt quả tang. Riêng V khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày nhập cảnh trái phép vào Việt Nam cách Cột mốc số 263 khoảng 50 mét bị phát phát hiện, bắt giữ đưa cách ly tập trung theo quy định.

Ngày 04/6/2021 và ngày 14/6/2021, Đ, S và V bị khởi tố, điều tra.

Cáo trạng số: 87/CT-VKSAG-P1 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo Lê Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc S, Sơn Thị Kim V cùng về tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo Lê Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc S, Sơn Thị Kim V thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án. Ngoài ra, V còn khai nhận trước khi bị bắt đã cùng với Đ có 03 lần tổ chức đưa 09 người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia cho Phươl, V nhận 5.000.000 đồng, Đ nhận 8.000.000 đồng. S khai nhận trước ngày bị bắt khoảng 04 tuần đã cùng với Đ tổ chức cho 03 người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia nhưng Đ chưa trả tiền công cho S. Chiếc xe môtô biển số 67L1-2579 là tiền của Võ Văn B (con rễ bị cáo S) mua và nhờ Huỳnh Văn R đứng tên. Đ không thừa nhận có nhận tiền từ V theo lời khai của V. Chiếc xe mô tô biển số 56P1-7472 là của Lê Thị Huỳnh N (con bị cáo Đ) mua. Việc bị cáo sử dụng xe chở người xuất cảnh trái phép N không biết.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt.

Theo lời khai của Võ Nhật Thiên K, do có nhu cầu sang Campuchia để tìm việc làm, K sử dụng Wechat liên hệ với người tên Bi và được hướng dẫn đến thành phố Châu Đốc thì có một người đàn ông điều khiển xe môtô đến rước K và đưa cho K 01 phong bì bên trong có 350 USD để K chuyển cho người bên Campuchia. Sau đó, người này chở K đến nhà S để S đưa sang Campuchia thì bị bắt quả tang như nội dung vụ án đã nêu trên.

Theo lời khai của ông Huỳnh Văn R, ông R có đứng tên đăng ký xe mô tô biển số 67L1-2579 nhưng xe không phải là của ông R. Việc ông đăng ký đứng tên là do Nguyễn Ngọc S nhờ đứng tên hộ vì khi đó S chưa có giấy phép lái xe.

Theo lời khai của bà Lê Thị Huỳnh N, xe mô tô biển số 56P1-7472 là do bà N mua lại của bà Trần Thị Loan cư trú Thành phố Hồ chí Minh. Việc bị cáo Đ sử dụng xe chở người xuất cảnh trái phép bà N không biết. Bà N có yêu cầu nhận lại xe.

Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, các luật sư không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân từng bị cáo, đã đề nghị tuyên các bị cáo đồng phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo:

Lê Ngọc Đ từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù;

Nguyễn Ngọc S từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Sơn Thị Kim V từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Đề nghị áp dụng các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án và tiền do phạm tội mà có. Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc Đ: Luật sư Hồ Hoàng Phượng thống nhất tội danh, mức hình phạt mà vị Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đến hoàn cảnh nhân thân của bị cáo, bị cáo thuộc thành phần lao động, là lao động chính trong gia đình; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được nhận hình phạt theo mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đồng thời việc bị cáo Đ sử dụng xe mô tô biển số 56P1-7472 của Lê Thị Huỳnh N chở người xuất cảnh trái phép thì bà N không biết, nên đề nghị trả lại xe cho bà N.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc S: Luật sư Lê Hùng Tuấn thống nhất tội danh, mức hình phạt mà vị Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo S. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đến hoàn cảnh nhân thân của bị cáo, bị cáo thuộc thành phần lao động, là lao động chính trong gia đình. Bản thân bị cáo bị tật ở mắt và thường bị bệnh. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, trong đồng phạm bị cáo S có vai trò thứ yếu, bị cáo cũng chưa nhận được tiền. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được nhận hình phạt theo mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, hứa khắc phục sửa chữa. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Nhật Thiên K, Lê Thị Huỳnh N, Huỳnh Văn R vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; lời khai của những người này đã được công bố tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai những người tham gia tố tụng khác; phù hợp Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 27/5/2021 của Đồn Biên phòng cửa khẩu Vĩnh Hội Đông; Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) ngày 27/5/2021 của Công an huyện An Phú; Biên bản kiểm tra điện thoại; Kết luận giám định số 186/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 10/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ ngày 26/5/2021, Sơn Thị Kim V nhận cuộc gọi từ số 0918.001.652 của người tên Phươl sống ở Campuchia câu mốc chở một người khách xuất cảnh trái phép sang Campuchia, Phươl trả trước cho V 3.000.000 đồng. V điện thoại cho Đ, Đ thỏa thuận gọi thêm Nguyễn Ngọc S và chia mỗi người 1.000.000 đồng. Đ dùng số điện thoại 0979.661.848 gọi vào số 0382.709.089 của S và cho S số điện thoại của V 0332.910.594. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/5/2021 Lê Ngọc Đ và Nguyễn Ngọc S tổ chức đưa Võ Nhật Thiên K từ Việt Nam sang Campuchia thì bị bắt giữ. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, Sơn Thị K V từ Campuchia vào Việt Nam cũng bị bắt giữ, đưa cách ly tập trung.

Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đưa người xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Lê Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc S, Sơn Thị Kim V theo Cáo trạng số 87/CT-VKSAG-P1 ngày 16 tháng 11 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Hành vi của các bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, an toàn của cộng đồng.

[2.3] Đây là vụ án có đồng phạm, là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo vì mục đích vụ lợi, câu kết nhau cùng thực hiện hành vi tổ chức đưa người khác từ Việt Nam sang Campuchia trái phép. Trong đó, Đ và V có vai trò chính yếu, còn S có vai trò thứ yếu. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do các bị cáo không có việc làm ổn định; ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh trái phép tốn ít công nhưng thu được nhiều tiền. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là vì lợi ích vật chất, không vì lợi ích khác.

[2.4] Bên cạnh hành vi phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"* của các bị cáo còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất cảnh, nhập cảnh; gây hoang mang, bức xúc trong nhân dân. Trong khi mọi người dân đang ra sức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đặc biệt là công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh. Kể từ khi xảy ra dịch Covid-19 đến nay, cả hệ thống chính trị, nhân dân An Phú trong đó đặc biệt là các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an, Quân đội …đang ngày đêm túc trực canh gác theo các tuyến biên giới, kiểm soát chặt người qua lại, nhằm phòng, chống lây lan dịch bệnh, đảm bảo an toàn xã hội thì các bị cáo lại có hành vi đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; đi ngược lại với lợi ích chung của cộng đồng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân các bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng tặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, là lao động chính trong gia đình. Riêng bị cáo V là người dân tộc thiểu số (Khmer) và có con còn nhỏ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt tiếp tục

cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị các cáo để các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

Hội đồng xét xử thống nhất lời bào chữa và quan điểm của các luật sư. Tuy nhiên, trong tình hình đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, thì hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép của các bị cáo là rất nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, cần được xử lý nghiêm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với Võ Nhật Thiên K có hành vi xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật. Xét K mới vi phạm lần đầu, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Đồn Biên phòng Vĩnh Hội Đông ra quyết định xử phạt hành chính đối với K là có căn cứ, đúng quy định.

Theo lời khai của các bị cáo thì ngoài lần các bị cáo cùng nhau tổ chức đưa Võ Nhật Thiên K xuất cảnh trái phép bị bắt quả tang, trước đó khoảng 3- 4 tuần V và Đ được Phươl câu móc tham gia đưa 09 người xuất cảnh trái phép. Do chỉ có lời khai các bị cáo và chưa xác định được họ, tên, địa chỉ của khách đi, nên không quy kết các bị cáo trong vụ án này là có căn cứ. Đồng thời, cũng chưa làm rõ nhân thân, địa chỉ, hành vi của người liên hệ để nhóm Đ, S, V đưa người khác xuất cảnh trái phép có tên là Phươl (sống ở Camphuchia). Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6.1] Về biện pháp tư pháp: Theo thừa nhận của Sơn Thị Kim V thì V có nhận từ Phươl trong lần tổ chức đưa Võ Nhật Thiên K xuất cảnh bị bắt quả tang 3.000.000 đồng. Khi bị bắt giữ, V đã ném bỏ số tiền trên. Đây là tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có, do đó buộc V nộp lại toàn bộ số tiền này để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 (ba) tờ USD mệnh giá 100 Dollars; 01 (một) tờ mệnh giá 50 Dollars là của một người lạ đưa cho K để gửi đưa cho một người ở Campuchia. K không xác định được tên, địa chỉ người gửi, người nhận. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm nhưng không có người nhận. Do đó tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7plus, màu hồng là của Võ Nhật Thiên K. Xét không liên quan tội phạm, nên trả lại cho K.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy On 7 Prime, màu bạc, gắn sim số 0332910594 là của Sơn Thị Kim V sử dụng liên hệ với Đ và S, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, gắn sim số 0777859313 và 0382709089; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, gắn sim số 0839939527; 01 (một) xe mô tô hiệu Wave Alpha màu xanh, biển số 67L1 – 2579 là của Nguyễn Ngọc S. S đã sử dụng điện thoại di động hiệu Itel, gắn sim số 0382709089 để liên hệ với Đ và V; sử dụng xe mô tô biển số 67L1 – 2579 làm phương tiện chở K xuất cảnh. Theo bị cáo S thì xe mô tô biển số 67L1 – 2579 là tiền của Võ Văn B (con rể bị cáo S) mua nhờ Huỳnh Văn R đứng tên. Tuy nhiên qua điều tra không có căn cứ chứng minh là xe của B, ông R cũng xác định đứng tên hộ bị cáo S, nên tịch thu điện thoại hiệu Itel và xe mô tô biển số 67L1 – 2579 sung vào ngân sách Nhà nước. Còn điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, gắn sim số 0839939527 không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bị cáo S.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động OPPO A53 màu đen, gắn sim số 0979661848 và 0914133325; 01 (một) điện thoại di động hiệu ACE màu đen, gắn sim số 0366843079 và 0365116278; 01 (một) xe mô tô hiệu Wave RSX màu đỏ-đen, biển kiểm soát 56P1 – 7472; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021984 mang tên Trần Thị Loan; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy On Prime màu bạc, gắn sim số 0332910594 là của Lê Ngọc Đ. Đ đã sử dụng cả 02 điện thoại di động để liên hệ với S và V, nên tịch thu các điện thoại này để sung vào ngân sách Nhà nước. Xe mô tô hiệu Wave RSX màu đỏ-đen, biển kiểm soát 56P1 – 7472, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021984 mang tên Trần Thị Loan là của Lê Thị Huỳnh N mua nhưng chưa sang tên. Đ sử dụng xe này làm phương tiện tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép N không biết, nên trả lại cho N. Bà N cần thực hiện thủ tục trước bạ, sang tên theo quy định.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc Đ (M), Nguyễn Ngọc S, Sơn Thị Kim V (Bun Sok V) đồng phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh cảnh trái phép"*.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Đ (M) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/5/2021 (Ngày hai mươi bảy tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi một).

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/5/2021 (Ngày hai mươi bảy tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi một).

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Sơn Thị K V (Bun Sok Vanh) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/6/2021 (Ngày mười sáu tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi một).

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước,

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy On 7 Prime, màu bạc, gắn sim số 0332910594 của Sơn Thị Kim V;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, gắn sim số 0777859313 và 0382709089 của Nguyễn Ngọc S;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu đen, gắn sim số 0979661848 và 0914133325; 01 (một) điện thoại di động hiệu ACE màu đen, gắn sim số 0366843079 và 0365116278 của Lê Ngọc Đ;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Wave Alpha màu xanh, biển số 67L1 – 2579 của Nguyễn Ngọc S (giấy chứng nhận đăng ký do Hùynh Văn R đứng tên. Số khung VVTDCHOA4TT170004, số máy VTT1P52FMH170004).

+ 03 (ba) tờ USD mệnh giá 100 Dollars; 01 (một) tờ mệnh giá 50 Dollars.

- Tuyên trả lại cho,

+ Võ Nhật Thiên K 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus, màu hồng, gắn sim số 0783841017;

+ Nguyễn Ngọc S 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, gắn sim số 0839939527;

+ Lê Thị Huỳnh Như 01 (một) Xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu đỏ-đen, biển kiểm soát 56P1 – 7472; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 021984 mang tên Trần Thị Loan (Số khung Y-124197, số máy C43E-5583765).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

- Buộc bị cáo Sơn Thị Kim V nộp lại 3.000.000 (Ba triệu) đồng để tịch thu sung ngân sách nhà nước,

4. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Bị cáo Lê Ngọc Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Sơn Thị Kim V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo Lê Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc S, Sơn Thị Kim V. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/01/2022).

Thời hạn kháng cáo của các ông, bà Võ Nhật Thiên K, Lê Thị Huỳnh N, Huỳnh Văn R là 15 ngày kể từ ngày bản án tống đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (3);
- Phòng hồ sơ (1);
- Biên phòng Vĩnh Hội Đông (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (3);
- UBND xã nơi bị các cáo cư trú (3);
- Các bị cáo (3);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (3);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu V phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần V Sáu